

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 3182/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 10 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước lĩnh vực Quản lý đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước; đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 793/KH-UBND ngày 14/11/2022 về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1534/QĐ-BTC ngày 29/4/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6308/TTr-STC ngày 26/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước lĩnh vực Quản lý đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước; đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

(chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TTr UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh (Đ/c Thiên);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Th) *[Signature]*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC, ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP) DO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN LẬP THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: 3182/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết
1	Thủ tục quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công	Quản lý vốn đầu tư sử dụng vốn nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính
2	Quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C	Quản lý vốn đầu tư sử dụng vốn nhà nước	Sở Tài chính
3	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài	Quản lý vốn đầu tư sử dụng vốn nhà nước	Sở Tài chính
4	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp	Quản lý vốn đầu tư sử dụng vốn nhà nước	Sở Tài chính
5	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	Quản lý vốn đầu tư sử dụng vốn nhà nước	Sở Tài chính
6	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) do cơ quan	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết
	có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)		- Đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.
7	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết) - Đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.
8	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết) - Đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.
9	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hội đồng thẩm định (nếu cần thiết) - Đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công

*** Trình tự thực hiện:** Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán và 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính tỉnh Nghệ An. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết toán cũng là thủ trưởng của cơ quan Sở Tài chính Nghệ An thì chỉ gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính Nghệ An.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Đối với dự án đầu tư công hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành, dự án đầu tư công dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành hoặc Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công dự án hoàn thành của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và kiểm toán độc lập. Trường hợp các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (sau đây gọi là thanh tra), kiểm tra. Kiểm toán nhà nước, cơ quan pháp luật đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra dự án, trong tờ trình chủ đầu tư phải nêu rõ việc chấp hành các kiến nghị, kết luận của các cơ quan trên.

- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này (bản chính).

- Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (nếu có); các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (quyết toán A - B); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến nội dung thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng (bản chính).

- Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

- Báo cáo kiểm toán hoặc thông báo kết quả kiểm toán (sau đây gọi chung là báo cáo kiểm toán), kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra trong trường hợp các cơ quan này thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp dự án có vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra. Báo cáo của chủ đầu tư kèm các tài liệu liên quan về tình hình chấp hành các kiến nghị của các cơ quan nêu trên.

b) Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính).
- Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này (bản chính).
- Các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính).

- Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu (bản chính hoặc do chủ đầu tư sao y bản chính): Hợp đồng, các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán (trừ trường hợp chưa có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị); văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có), biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (nếu có), bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (nếu có), biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

- Báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập trong trường hợp kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính).

Lưu ý: 1. Chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán khi cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán đề nghị bằng văn bản.

2. Chủ đầu tư được gửi văn bản điện tử thay cho văn bản giấy. Văn bản điện tử phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác văn thư.

*** Thời hạn giải quyết:**

Dự án	Quan trọng Quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt	09 tháng	09 tháng	06 tháng	04 tháng
Thời gian thẩm tra quyết toán	08 tháng	08 tháng	04 tháng	03 tháng
Thời gian phê duyệt quyết toán	01 tháng	01 tháng	20 ngày	15 ngày

- Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình phê duyệt được tính từ ngày dự án, công trình được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đến ngày chủ đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

- Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

- Thời gian phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

*** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm tra quyết toán dự án vốn đầu tư công hoàn thành.

*** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

(1). Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công và vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công dự án hoàn thành:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với dự án hoặc dự án thành phần, tiểu dự án độc lập giao cấp tỉnh quản lý; hoặc Ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (trừ các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 25/10/2022), dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 15 tỷ đồng (trừ dự án được ủy quyền tại điểm a khoản 1 Điều này).

- Đối với các dự án khác: người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

(2). Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý và dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định khác).

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo kết quả hoặc biên bản thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

*** Phí, Lệ phí:** Không quy định.

*** Chi phí:** Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu biểu trong công tác quyết toán.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Các nhiệm vụ, dự án quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ và các nhiệm vụ, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu biểu trong công tác quyết toán; Thông tư 27/2025/TT-BTC ngày 22/5/2025 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công;

2. Quyết định đầu tư dự án nhóm A, B, C

*** Trình tự, thủ tục**

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định đến Văn thư Sở Tài chính.

* **Thành phần hồ sơ** (khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP):

- Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

- Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh nếu có) hoặc quyết định giao vốn ngoài đầu tư công.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan nhà nước.

* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài chính.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng; Các Nghị định: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài

*** Trình tự, thủ tục**

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định đến Văn thư Sở Tài chính.

* **Thành phần hồ sơ** (khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP):

- Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

- Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh nếu có).

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan nhà nước.

* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài chính.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng; Các Nghị định: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

4. Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp

*** Trình tự, thủ tục**

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định đến Văn thư Sở Tài chính.

* **Thành phần hồ sơ** (khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP):

- Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

- Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh nếu có) hoặc quyết định (lệnh) khẩn cấp.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan nhà nước.

* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài chính.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

* **Phí, lệ phí** (nếu có): Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**: Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng; Các Nghị định: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

5. Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

* **Trình tự, thủ tục**

Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính.

* **Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định đến Văn thư Sở Tài chính.

* **Thành phần hồ sơ** (khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP):

- Tờ trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án.

- Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh nếu có) hoặc quyết định giao vốn ngoài đầu tư công.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cơ quan chuyên môn về xây dựng; cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ**: 01 bộ.

* **Thời hạn giải quyết**: 05 ngày.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cơ quan nhà nước.

* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**: Sở Tài chính.

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

* **Phí, lệ phí** (nếu có): Không quy định

* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** đảm bảo đủ hồ sơ, quyết định đầu tư ban hành đúng đầy đủ trình tự thủ tục các pháp luật liên quan.

* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng; Các Nghị định: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

6. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

* **Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;

- Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tại địa phương chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công trong trường hợp dự án PPP sử dụng vốn đầu tư công, gửi Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định;

- Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất;

- Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất PPP hoàn chỉnh hồ sơ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án.

* **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn thư Sở Tài chính hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thẩm định;

+ Dự thảo tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư;

+ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:

- + Tờ trình đề nghị quyết định chủ trương đầu tư;
- + Dự thảo quyết định chủ trương đầu tư;
- + Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- + Thời gian thẩm định: 10 ngày làm việc (điểm b khoản 3 Điều 12 NĐ 243/2025/NĐ-CP);
- + Thời gian phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư: HĐND cấp tỉnh: 03 ngày làm việc; UBND cấp tỉnh: 02 ngày làm việc (điểm b và c khoản 2 Điều 13 NĐ 243/2025/NĐ-CP).

*** Đối tượng thực hiện và Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 bao gồm:

- Phụ lục I (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 04: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Phụ lục II (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt dự án PPP).

Phụ lục III (Mẫu số 01: Hợp đồng mẫu dự án PPP; Mẫu số 02: Hợp đồng mẫu dự án O&M; Mẫu số 03: Hợp đồng mẫu dự án BT không yêu cầu thanh toán).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BKHĐT ngày 12/6/2024.

7. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu khả thi làm cơ sở trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;
- Đơn vị thẩm định dự án tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi đơn vị chuẩn bị dự án PPP;
- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền;
- Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn thư Sở Tài chính hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:
 - + Văn bản đề nghị thẩm định;
 - + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt dự án;
 - + Báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có);
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
- Hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án PPP bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án;
 - + Dự thảo quyết định phê duyệt dự án;
 - + Báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;
 - + Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có);
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định (khoản 3 Điều 21 NB 243/2025/NB-CP)
- + Dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư: 10 ngày làm việc;
- + Dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư: 15 ngày làm việc;
- + Dự án quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật PPP: 20 ngày làm việc.
- Thời hạn phê duyệt dự án PPP (khoản 2 Điều 23 NB 243/2025/NB-CP).
- + Dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư: 03 ngày làm việc;
- + Dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư: 05 ngày làm việc.

*** Đối tượng thực hiện và Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Quyết định phê duyệt dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NB-CP ngày 11/9/2025 bao gồm:

- Phụ lục I (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 04: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Phụ lục II (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt dự án PPP).

Phụ lục III (Mẫu số 01: Hợp đồng mẫu dự án PPP; Mẫu số 02: Hợp đồng mẫu dự án O&M; Mẫu số 03: Hợp đồng mẫu dự án BT không yêu cầu thanh toán).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BKHĐT ngày 12/6/2024.

8. Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- Đơn vị thẩm định dự án lập báo cáo thẩm định gửi đơn vị chuẩn bị dự án PPP.
- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Luật PPP hoặc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Luật PPP.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn thư Sở Tài chính hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư;
 - + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
 - + Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra đối với nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
- Hồ sơ đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư;
 - + Nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra đối với nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.

- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

+ Thời gian thẩm định: 10 ngày làm việc (điểm b khoản 3 Điều 12 NĐ 243/2025/NĐ-CP);

+ Thời gian phê duyệt Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư: HĐND cấp tỉnh: 03 ngày làm việc; UBND cấp tỉnh: 02 ngày làm việc (điểm b và c khoản 2 Điều 13 NĐ 243/2025/NĐ-CP).

*** Đối tượng thực hiện và Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Báo cáo thẩm định, thẩm tra đối với các nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP;

- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 bao gồm:

- Phụ lục I (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 04: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Phụ lục II (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt dự án PPP).

Phụ lục III (Mẫu số 01: Hợp đồng mẫu dự án PPP; Mẫu số 02: Hợp đồng mẫu dự án O&M; Mẫu số 03: Hợp đồng mẫu dự án BT không yêu cầu thanh toán).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế

giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BKHĐT ngày 12/6/2024.

9. Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

*** Trình tự thực hiện:**

- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng làm cơ sở trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;
- Đơn vị thẩm định dự án tổ chức thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi đơn vị chuẩn bị dự án PPP;
- Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền;
- Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự án.

*** Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn thư Sở Tài chính hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử theo quy định.

*** Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP bao gồm:
 - + Văn bản đề nghị thẩm định;
 - + Dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;
 - + Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh;
 - + Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có);
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
- Hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án PPP bao gồm:
 - + Tờ trình đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án;
 - + Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án;
 - + Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;
 - + Tài liệu pháp lý khác có liên quan của dự án.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

*** Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn thẩm định (khoản 3 Điều 21 NĐ 243/2025/NĐ-CP)

- + Dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư: 10 ngày làm việc;
- + Dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư: 15 ngày làm việc;
- + Dự án quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật PPP: 20 ngày làm việc.
- Thời hạn phê duyệt dự án PPP (khoản 2 Điều 23 NĐ 243/2025/NĐ-CP).
- + Dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư: 03 ngày làm việc;
- + Dự án không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư: 05 ngày làm việc.

*** Đối tượng thực hiện và Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định.

*** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; Quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh dự án PPP.

*** Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

*** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 bao gồm:

- Phụ lục I (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án PPP; Mẫu số 04: Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Phụ lục II (Mẫu số 01: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP; Mẫu số 02: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 03: Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án PPP; Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt dự án PPP).

Phụ lục III (Mẫu số 01: Hợp đồng mẫu dự án PPP; Mẫu số 02: Hợp đồng mẫu dự án O&M; Mẫu số 03: Hợp đồng mẫu dự án BT không yêu cầu thanh toán).

*** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;

Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021; Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15/6/2022; Thông tư số 10/2024/TT-BKHĐT ngày 12/6/2024.